MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA HIỆP ĐỊNH TRIPS TRONG HẾT QUYỀN SỞ HỮU

1. Đặc điểm Hiệp định TRIPS

Hiệp định TRIPS có những đặc điểm sau: (i) là kết quả của sự kết hợp một số công ước quốc tế ra đời trước đó; (ii) thiết lập các tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu trong thời hạn cụ thể cho hầu hết các đối tượng sở hữu trí tuệ, đó là quyền tác giả, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, quyền đối với giống cây trồng, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, thông tin kín; (iii) bao gồm những quy định mở; (iv) thiết lập những quy định thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Thứ nhất, Hiệp định TRIPS là kết quả của sự kết hợp những điều ước quốc tế quan trọng nhất trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Những điều ước quốc tế này là Công ước Pari, Công ước Bécnơ, Công ước Rôma, Công ước Oasinhtơn[1]. Quy định của những điều ước quốc tế này có hiệu lực bắt buộc, thậm chí đối với cả những nước chưa phê chuẩn điều ước, ngoại trừ Công ước Rôma có hiệu lực bắt buộc với những nước đã là thành viên của Công ước. Về vấn đề này, Carlos M. Correa cho rằng: "Hiệp định TRIPS không thiết lập một điều ước độc lập, mà là một công cụ thông nhất với sự bảo hộ "kết hợp của các điều ước" cho quyền sở hữu trí tuệ"[2]

Thứ hai, Hiệp định TRIPS thiết lập các tiêu chuẩn tối thiểu đối với bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho tất cả các nước thành viên WTO bất kể mức độ phát triển.

Đối với mỗi đối tượng sở hữu trí tuệ, Hiệp định TRIPS thiết lập những tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu mà các nước thành viên phải tuân thủ. Nội dung chính của những tiêu chuẩn này là đối tượng được bảo hộ, đối tượng không được bảo hộ, quyền (bao gồm thời hạn bảo hộ tối thiểu), những trường hợp ngoại lệ của những tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu. Những tiêu chuẩn này được thể hiện trong Hiệp định TRIPS dưới hai dạng. Hiệp định TRIPS đòi hỏi các nước thành viên

[1]Mặc dù Công ước Washington không phát sinh hiệu lực nhưng nội dung của Công ước được chuyển tải vào Hiệp định TRIPS, Công ước được coi như được thực thi thông qua Hiệp định TRIPS

[2]Correa, Carlos M., Trade Related. Aspects ofIPRs - A Commentary oti the TRIPS Agreement, Oxford University Press, 2007.

của WTO tuân thủ những quy định cơ bản, quan trọng của Công ước Pari và Công ước Bécnơ đã được chuyển tải vào Hiệp định TRIPS. Hơn nữa, Hiệp định TRIPS quy định thêm một số nghĩa vụ cho các nước thành viên của WTO mà những nghĩa vụ này không quy định trong Công ước Pari và Công ước Bécnơ.

Các nước thành viên WTO có nghĩa vụ tuân thủ và áp dụng các tiêu chuẩn bảo hộ do Hiệp định TRIPS thiết lập. Đối với những vấn đề Hiệp định TRIPS đã thiết lập tiêu chuẩn tối thiểu, các nước thành viên không thể áp dụng tiêu chuẩn bảo hộ ở mức độ thấp hơn mức độ do Hiệp định TRIPS thiết lập. Đồng thời, các nước thành viên không có nghĩa vụ cung cấp mức độ bảo hộ cao hơn. "Thực tế là Hiệp định đã thiết lập cái mà các nước thành viên cho là nguyên tắc và tiêu chuẩn "thích hợp" trong lĩnh vực này"[3]. Hiệp định TRIPS không có quy chế đặc biệt nào cho các nước đang phát triển và các nước kém phát triển, ngoại trừ các quy định về giai đoạn chuyển đổi theo quy định từ Điều 65 đến Điều 67[4].

Những tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu được thiết lập trong Hiệp định TRIPS loại bỏ sự không đối xứng mà nguyên tắc đối xử quốc gia được quy định tại Điều 2(1) Công ước Pari tạo ra[5]. Cụ thể, theo Điều 2(1) Công ước Pari, trong trường hợp Công ước Pari không thiết lập các tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu, các nước thành viên của Liên minh được tự do dành sự bảo hộ cho công dân của các nước thành viên khác mà không dành cho công dân của nước mình. Sự tự do này làm phát sinh những khác biệt về mức độ bảo hộ giữa các nước thành viên của Liên minh và đôi khi sự khác biệt được coi là không tương xứng[6].

TTBD ĐBDC

Thứ ba, Hiệp định TRIPS trao cho các nước thành viên WTO quyền tự quyết nhất định.

Bên cạnh những tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu, Hiệp định TRIPS dành quyền tự quyết cho các nước thành viên trong một số vấn đề nhằm giúp các nước thiết

[3]Correa, Carlos M., Trade Related Aspects ofIPRs - A Comment°rt on the TRIPS Agreement, Oxford University Press, 2007, tr. 8.

[4]Ngân hàng thế giới chỉ trích rằng: "một cỡ không thể vừa với tất cả". Xem: World Bank, Global Economic Prospects and the Developing Countries, Washington DC, 2001, tr. 129.

[5]Điều 2(1) Công uóc Pari quy định "Trong lĩnh vực bảo hộ sỏ hữu công nghiệp, công dân của bất kỳ nước thành viên nào cũng đều được hưởng những điều kiện thuận lợi như công dân của tất cả các nưdc thành viên khác mà luật tương ứng của các nước đó quy định hoặc sẽ quy định; hoàn toàn không ảnh hưởng đến các quyền được quy định riêng trong Công ước này. Do đó, họ được hưởng sự bảo hộ và công cụ bảo vệ pháp luật chống mọi hành vi xâm phạm quyền của mình như những công dân của nước thành viên khác, miễn là tuân thủ các điều kiện và thủ tục quy định đối với công dân nuốc đó"

[6]WIPO, Patent Related Fïexibilities in the Multilateral Legal Framework and Their Legislative Implementation at the National and Regional Levelạ CDIP/5/4, Committee on Development and IP, Fifth Session, Geneva,- 26*30 Apr,, 2010, đoạn 6(ii), <http://www.wipo.int/meetings/en/doc details,jsp?doc_id=131629>, đoạn 34.

lập tiêu chuẩn quốc gia về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo chính sách của các nước này trên cơ sở các quy định tuỳ nghi (trong tiêng Anh là "ílexible provisions").

Theo giải thích của WIPO, các quy định tuỳ nghi là những cách thức khác nhau, thông qua đó các nghĩa vụ do Hiệp định TRIPS thiết lập được chuyển tải vào pháp luật quốc gia sao cho phù hợp với lợi ích quốc gia mà vẫn tương thích với các quy định và nguyên tắc của Hiệp định TRIPS[7]. Từ "tuỳ nghi" được sử dụng nhấn mạnh trong đoạn 6 Lời nói đầu của Hiệp định TRIPS và ý nghĩa của từ này được tìm thấy trong nhiều quy định của Hiệp định TRIPS. Những quy định tuỳ nghi của Hiệp định TRIPS được chia thành bốn nhóm[8]: Thứ nhất, những quy định tuỳ nghi tại đoạn 6 Lời nói đầu về giai đoạn chuyển đổi. Thứ hai, những quy định tuỳ nghi tại Điều 1.1 về cách thức thi hành các nghĩa vụ trong Hiệp định TRIPS. Thứ ba, những quy định tuỳ nghi tại các Điều 6, 8.1, 17, 18, 20, 23.4, 23.5, 23.9, 24.8, 26.2, 26.3, 30, 31, 33, 37, 38 về tiêu chuẩn bảo hộ. Thứ tư, các quy định tuỷ nghi tại Điều 41.5 về vấn đề thực thi[9].

Cuối cùng, lần đầu tiên Hiệp định TRIPS thiết lập một cơ chế thực thi hiệu quả.

Một trong những khác biệt lớn nhất giữa Hiệp định TRIPS và các điều ước quốc tế đa phương về sở hữu trí tuệ được ban hành trước Hiệp định là: Hiệp định bao gồm các quy định chi tiết hơn nhằm bảo đảm thực thi những cam kết cửa Hiệp định. Những tranh chấp sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định TRIPS có thể được giải quyết bằng nhiều biện pháp khác nhau như dân sự, hành chính, biện pháp tạm thời, biện pháp kiểm soát biên giới và biện pháp hình sự (xem Điều 41 đến Điều 61 Hiệp định TRIPS). Những tranh chấp phát sinh thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định TRIPS được giải quyết theo thủ tục giải quyết tranh chấp của WTO. Tức là, về nguyên tắc, các nguyên tắc

TTBD ĐBDC

[7]WIPO, Patent Related Flexibilities in the Muitilãterấl Legal Framework and Their Legislative Implementation at the National and Regional Levels CDIP/5/4, Committee on Development and IP, Fifth Session, Geneva, 26-30 Apr., 2010, pará. 6(ii), <http://www.wipo.int/ meetings/en/doc_details.jsp?doc_id=131629>, đoạn 34.

[8]Carvalho, Nuno Pires de, WIPO Seminar for Certain Asia Countriẽi J ơn Pĩexible Imphmatation ofTR!PS Provisions, Singapore, 28-30 Jul. 2008.

[9]Theo WIPO, có thể phân loại các điều khoản tuỳ nghi của Hiệp định TRIPS theo một cách khác, theo đó các điều khoản này đừợc chia thành ba loại căn cứ vào thòi điểm nối tiếp nhau: xác lập quyền; quyền đã được xác iập; sử dụng và thực thi quyền. Xem WIPO, Patent Related Fĩexibilities in the MuLtãateral Legal Framework and Their Legislative Impiementatwn at the National and Regional Levels CDIP/5/4, Committee on Developmeỏt i and IP, Fifth Session, Geneva, 26-30 Apr. 2010, <http://www.wipo.int/meetìngs/en/doc_details.jsp?doc_id=lảl629>, đoạn 35.

của WTO được quy định trong Hiệp định chung về thuế quan và thương mại cũng như cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO được áp dụng.

Do những đổi mới vừa nêu trên, cho đến nay, Hiệp định TRIPS được đánh giá là thỏa thuận đa phương về sở hữu trí tuệ toàn diện nhất[10]. "Hiệp định là sự củng cố có ý nghĩa quan trọng nhất đối với những tiêu chuẩn toàn cầu trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ"[11].

2. Các nguyên tắc của Hiệp định TRIPS

Tương tự như các thỏa thuận khác thuộc WTO như Hiệp định chung về thuế quan và thương mại và Hiệp định chung về thương mại và dịch vụ, Hiệp định TRIPS được thiết lập dựa trên ba nguyên tắc. Đó là nguyên tắc đối xử quốc gia, nguyên tắc đốixử tối huệ quốc, nguyên tắc minh bạch. Các nguyên tắc này được quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 63 Hiệp định TRIPSI Điều III, Điều I, Điều X Hiệp định chung về thuế quan và thương mại; Điều 17, Điều 2, Điều 3 Hiệp định chung về thương mại và dịch vụ. Các vấn đề liên quan đến giá trị, phạm vi, việc đạt được/ sử dụng và thực thi quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại trong Hiệp định TRIPS là đối tượng của hai nguyên tắc đầu tiên[12]. Nguyên tắc thứ ba nhằm duy trì tính công khai ổn định, dự báo của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Nguyên tắc đối xử quốc gia được quy định lần đầu tiên" trong Công ước Pari (Điều 2). Như đã nêu, tuy nhiện, hoạt động, của nguyên tắc này theo Công ước Pari làm phát sinh những, khác biệt về mức độ bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp giữa các nước thành viên của Liên minh và hệ quả là tạo ra những ràO' cản cho xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ mang đối tượng sở hữu trí tuệ được bảo hộ. Do đó, các nước thành viên ở vòng đàm phán Uruguay đã nhất trí thiết lập một công thức mới cho nguyên tắc1 đối xử quốc gia tại Điều 3 Hiệp định TRIPS.

TTBD ĐBDC

[10]Về vai trò của Hiệp định TRIPS, xem: Correa, Carlos M., IPRs, the WTO and Developing Countries: The TRIPS Agreement and Policy Options, Zed Books Ltd., 2000; Deere, Carolyn, The Implementation Gamè: The TRIPS Agreemeni and the Global Politics of Intellectual Property Reform in Developing Countries, Oxford University Press, 2009; Smith, Gary w., IPRs, Developing Countries, and TRIPS: An Overvieùu of Issues of Considerationh during the Millennium Round of Multilaterál Tradẹ Negotiations, the Journal of World Intellectual Property, Vol. 2, Issue 6, 1999, tr. 969.

[11]Maskus, Keith E., IPRs in the Global Economy, Institute for International Economics, Wastòngton, DC, 2000, tr.16.

[12]Xem: chú thích 3 của Hiệp định TRIPS; Gervais, Daniel, The TRIPS Agreement: Draỷting History and Analysis, Sweet and Maxvvell, 1998, tr. 45-59; UNCTAD-ICTSD Project on IPRs and Sustainabie Development, Resource Book on TRIPS and Development, CambridgC University Press, 2005, tr. 61-91.

Nguyên tắc đối xử quốc gia được quy định trong Hiệp định TRIPS đã được bộ phận giải quyết tranh chấp của WTO xem xét và giải thích[13]. Theo đổ, không còn tồn tại sự bảo hộ mà một nước thành viên dành cho công dân của các nước thành viên khác không giống với sự bảo hộ dành cho công dân của mình (như quy định trong Công ước Pari); Hiệp định TRIPS đòi hỏi mỗi nước thành viên WTO dành sự bảo hộ cho công dân các nước thành viên khác "không kém thiện chí hơn" sự bảo hộ dành cho công dân của mình. Nói cách khác, bất kể mức độ bảo hộ một nước thành viên dành cho công dân của mình, nước này buộc phải áp dụng tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu do Hiệp định TRIPS thiết lập cho công dân của các nước thành viên khác. Nếu mức độ bảo hộ của nước thành viên đó thấp hơn, hoặc ngang bằng với mức độ bảo hộ do Hiệp định TRIPS thiết lập, nước thành viên đó có thể giới hạn mức độ bảo hộ cho công dân của các nước thành viện theo tiêu chuẩn bảo hộ của Hiệp định TRIPS. Nếu mức độ bảo hộ của nước thành viên đó cao hơn mức độ bảo hộ do Hiệp định TRIPS thiết lập, nước thành viên đó phải dành mức độ bảo hộ cao tương tự cho công dân của các nước thành viên khác[14].

Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc được quy định tại Điều 1Hiệp định TRIPS. Nguyên tắc này không được đế cập"trongnhững công ước về sở hữu trí tuệ được thiết lập trước Hiệp địnhTRIPS nhưng được quy định trong các thỏa thuận khác củaWTO như Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (Điều 1)và Hiệp định chung về thương mại và địch vụ (Điều 2). Trong khi nguyên tắc đối xử quốc gia cấm một nước thành viên phân biệt đối xử giữa công dân của mình và công dân của các nướcthành viên khác, nguyên tắc đối xử tối huệ quốc cấm một nước thành viên phân biệt đối xử giữa công dân của hai nước thành viên khác. Đối với bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, Điều 4 Hiệp định TRIPS đòi hỏi các nước thành viên của WTO dành sự bảo hộ"lập tức và vô điều kiện" "ưu tiên, chiếu cố, đặc quyền hoặc miễn trừ" cho "công dân của bất kỳ nước nào khác" (bao gồm cả công dân của nước không phải là thành viên của WTO) như sự bảo hộ dành cho công dân của mình.

[13]Ví dụ: European Communities-Protection of Trademark and Geographical Indications for Agricultural Products and Foodstuffsx complaini by the us, WT/DSl74/R, 15 Mar. 2005 and WT/DS174/23, 25 Apr. 2005; European Communities-Prôtection of Trademark and ũeographical Indications for Agricultural Products and Foodstuffs, complaint by Australia, WT/DS290/R, 15 Mar. 2005 and WT/DS290/21, 25 Apr. 2005.
[14]WTO, Principles of trading System, <http://www.wto.org/english/ theWTO_e/whatis_e/tif_e/fact2_e.htm#national>.

Nguyên tắc minh bạch được biết đến lần đầu tiên trong Điều X Hiệp định chung về thuế quan và thương mại năm 1947. Trong Hiệp định TRIPS, nguyên tắc này được quy định tại Điều 63. Điều 63 yêu cầu các nước thành viên của WTO công bố các nguyên tắc liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Theo Điều 63(1), các nguyên tắc liên quan đến quyền sỏ hữu trí tuệ bao gồm các luật, quy định, quyết định xét xử cuối cùng, quyết định hành chính, thỏa ước giữa chính các nuốc thành viên hoặc cơ quan chính phủ với chính phủ hoặc cơ quan chính phủ của nước thành viên khác. Nghĩa vụ công bố này được thực hiện thông qua ba phương thức, đó là công bố chính thức (Điều 63(1)),thông báo cho Hội đồng TRIPS (Điều 63(2)), yêu cầu nuốc thằnh viên khác cung cấp thông tin và cho phép tiếp cận thông tin (Điều 63(3)). Mục đích của nguyên tắc minh bạch là "giúp cho chính phủ và các chủ thể khác được thông báo về khả năng thay đổi của pháp luật sở hữu trí tuệ của nước thành viên nhằm góp phần bảo đảm môi trường pháp lý ổn định và có thể dự báo được"[15].

Gần lưu ý rằng, Hiệp định TRIPS cũng quy định một số ngoại lệ đối với ba nguyên tắc trên đây. Ngoại lệ đối với nguyên tắc đối xử quốc gia được quy định tại Điều 3(2); ngoại lệ đối vối nguyên tắc đối xử tối huệ quốc được quy định tại Điều 4(a), (b), (e), (d); ngoại lệ đối với nguyên tắc minh bạch được quy định tại Điều 63(4)[16].

3. Khái niệm "phù hợp với Hiệp định TRIPS"

Để trở thành thành viên của WTO? một quốc gia phải tuân thử quy định của Hiệp định TRIPS. Pháp luật của các nước thành viên WTO "liên quan đến những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định TRIPS về giá trị, phạm vi,việc đạt được, thực thi và ngăn chặn lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ" (Điều 63(1) Hiệp định TRIPS) bị giới hạn bởi những đặc điểm và nguyên tắc của Hiệp định TRIPS như đã trình bày ở phần trên. Nói cách khác, các nước thành viên

TTBD ĐBDC

[15]UNCTAD-ICTSD Project on IPRs and Sustainablẹ Development, Resọurce Ồook on TRIPS and Development, Cambridge Uniyersity Press, 2005, tr. 641. Để có thêm chi tiết về nguyên tắc minh bạch, xem: ỤNCTẠD-ICTSD Projeqt o.n IPRs and Sustainable Development, Resource Book on TRIPS and Development, Cambridge University Press, 2005, tr. 637-650; WTO, Transparency, Working Group on the Relationship between Trade and Invẹstment^ Noted by the WTO Secretariat, WT/WGTI/W/109, 27 Mar 2Q02

[16]Để có thêm chi tiết, xem: UNCTAD-ICTSD Project on IPRs and Sustainable Đevelopment, Resource Ẹook on TRIPS ảnậ Development, Cambridge University Press, 2005, tr. 75 (nguyên tắc đối xử quốc gia); tí. 78-82 (nguyện tắc đối xử tối huệ quốc); tr. 646 (nguyên tắc minh bạch).

của WTO phải xây dựng và thực thi pháp luật phù hợp với Hiệp định TRIPS[17]. Vậy, thế nào là "phù hợp với Hiệp định TRIPS"? Theo tác giả, pháp luật quốc gia được coi là "phù hợp với Hiệp định TRIPS" nếu ở một trong hai trường hợp sau đây: Trường hợp thứ nhất, pháp luật được xây dựng đáp ứng những tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu và sử dụng lợi thế của những quy định tuỳ nghi của Hiệp định TRIPS phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hôi của quốc gia đó. Trường hợp thứ hai, pháp luật được xây dựng vượt quá tiêu chuẩn mà Hiệp định TRIPS yêu cầu (ví dụ, quôdc gia quy định mức độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cao hơn mức độ TRIPS quy định). Còn trường hợp thứ ba là pháp luật của một quốc gia không đáp ứng những yêu cầu tối thiểu của Hiệp định TRIPS. Trong trường hợp này, pháp luật của quốc gia này không phù hợp với Hiệp định TRIPS. Ba trường hợp nêu trên tương ứng với ba phương thức thực thi Hiệp định TRIPS, đó là phương thức "đạt được những tiêu chuẩn tối thiểu của Hiệp định TRIPS" (tiếng Anh là "TRIPS-minimum approach"), phương thức "trên mức yêu cầu của Hiệp định TRIPS" (tiếng Anh là "TRIPS-plus approach"), phương thức "dưới mứcyêu Cầu của Hiệp định TRIPS" (tiếng Anh là "TRIPS-minus approach")[18].

TTBD ĐBDC

[17]Các từ "phù hợp/tương thích" (trong tiếng Anh là consistency hoặc consistent) và "không,phù hợp/không tương thích" (trong tiếng Ành lắ 1 inconsistent) được sử dụng nhiều lần trong Hiệp định TRIPS. Cụ thể, từ "phù hợp/tương thích" được sử dụng trong Điều 65(3), Điều 8(1), È Điều 8(2), Điều 40(2), Điều 62(1); từ "không phù hợp/không tương 1 thích" được sử dụng trong Điều 3(2) và Điều 44(2).

[18]Deere, Carolyn, The Implementation Game: The TRIPS Agreement and the Global Politics of Intellectual PropertyReform ịn Developing Countries, Oxford University Press, 2009, tr. 12.